

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04-3-2022.
V/v: “Ly hôn giữa anh H và chị T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Thu Hương.

Ông Nguyễn Xuân Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2021 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mạnh H; Sinh năm: 1980(*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Xóm 11, xã T, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Chị Bùi Thị T; Sinh năm: 1985(*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Dương A, xã Nam Thắng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2021 được bổ sung tại bản tự khai ngày 27/10/2021, nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh H trình bày: Anh và chị Bùi Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 03/01/2020, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Sau khi đăng ký kết hôn cho đến nay vì hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nên chị T vẫn ở nhà mình mà không về sinh sống cùng anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T đã thực sự đổ vỡ, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, anh đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị T.

Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung. Vì vậy, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng anh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Mạnh H vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn chị Bùi Thị T không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh H. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Bùi Thị T vẫn vắng mặt.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với bố đẻ của chị Bùi Thị T là ông Bùi Sỹ Hưu cho biết: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Mạnh H kết hôn vào cuối năm 2019 ÂL, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi đăng ký kết hôn, chị T và anh H chưa tổ chức lễ cưới và chưa về sống cùng nhau. Nguyên nhân là do anh chị chưa thống nhất được quan điểm sống. Từ khi đăng ký kết hôn cho đến nay chị T vẫn ở nhà ông. Chị T không đến Tòa án làm việc là do bận đi làm, mặt khác bên gia đình anh H không cử người sang nói chuyện người lớn với gia đình ông. Về con chung: Anh H và chị T không có con chung và hiện nay chị không thai nghén gì. Về tài sản, công nợ chung anh chị không có.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại chính quyền địa phương cho thấy: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của anh H và chị T, UBND xã không nắm được do các đương sự nộp đơn tại Tòa án, địa phương không tổ chức hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử lý hôn nhân giữa anh Nguyễn Mạnh H và chị Bùi Thị T. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Mạnh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Mạnh H, chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Mạnh H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Chị Bùi Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ

khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Anh Nguyễn Mạnh H và chị Bùi Thị T kết hôn vào ngày 03 tháng 01 năm 2020, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng do không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống nên không về chung sống cùng nhau. Anh chị có thời gian sống ly thân không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn; anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án chị T không có mặt. Điều đó chứng tỏ chị không còn tha thiết với cuộc sống chung vợ chồng nữa. Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa anh H và chị T nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Mạnh H đối với chị Bùi Thị T.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị không có con chung và hiện nay chị T không có thai nghén nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Sau này, chị T có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Mạnh H phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Mạnh H, chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Mạnh H và chị Bùi Thị T.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Mạnh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh đã nộp

tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0004467 ngày 12/10/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Mạnh H, chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Cường

